

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 111/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 343/TTr-STC ngày 05 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; bãi bỏ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường; Trưởng Thống kê tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Ngô Tân Phụng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế phổ biến thông tin thống kê quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức, thời gian và trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, người làm công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm:

a) Thống kê tỉnh; Thống kê cơ sở;

b) Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND xã, phường;

c) Người làm công tác thống kê tại điểm a và b khoản này; người làm công tác thống kê tại doanh nghiệp và người được cơ quan thống kê trưng tập làm điều tra viên thống kê.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh (gọi chung là đối tượng sử dụng thông tin thống kê).

Điều 3. Nguyên tắc phổ biến

1. Việc phổ biến thông tin thống kê Nhà nước phải tiến hành có tổ chức, theo quy định của Luật Thống kê, chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Có sự phân công, phân cấp, rõ ràng, xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin thống kê.

3. Thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh thu thập, tổng hợp bảo đảm được phổ

biến kịp thời, đầy đủ, khách quan, minh bạch và phù hợp với nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã phổ biến được dễ dàng, thuận tiện, bình đẳng và hiệu quả. Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng hiện có về nguồn thông tin thống kê và các nguồn lực khác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Loại thông tin thống kê được phổ biến

1. Loại thông tin thống kê do Thống kê tỉnh phổ biến

a) Thông tin thống kê quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm phổ biến;

b) Thông tin thống kê thuộc Báo cáo thống kê ước tính phản ánh tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm (gọi tắt là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội);

c) Thông tin thống kê thuộc Báo cáo thống kê chính thức hằng năm;

d) Thông tin thống kê thuộc Niên giám thống kê biên soạn hằng năm;

đ) Thông tin thống kê đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia và những thông tin thống kê đánh giá tác động, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội khác;

e) Thông tin thống kê của các cuộc điều tra được UBND tỉnh giao chủ trì;

g) Thông tin thống kê chuyên đề, đột xuất và thông tin thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc chức năng, nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và phổ biến; Kết quả một số cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê theo quy định.

2. Loại thông tin thống kê do Sở, ban, ngành phổ biến

a) Kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và ủy quyền Sở, ban, ngành tiến hành công bố và phổ biến (kể cả thông tin các cuộc điều tra do đơn vị trực thuộc Sở, ngành được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện);

b) Các thông tin thuộc Sở, ban, ngành quản lý gồm: Báo cáo tháng, quý, năm, kế hoạch, quy hoạch, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, thông tin số liệu khác do Sở, ban, ngành thực hiện hoặc được UBND tỉnh ủy quyền (trừ các thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã khi chưa được Thống kê tỉnh công bố).

3. Loại thông tin thống kê do UBND xã, phường phổ biến

a) Kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và ủy quyền UBND xã, phường tiến hành công bố và phổ biến;

b) Các thông tin thuộc UBND xã, phường quản lý gồm: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm, kế hoạch, quy hoạch, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, thông tin số liệu khác do UBND xã, phường thực hiện hoặc được UBND tỉnh ủy quyền (trừ các thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã khi chưa được Thống kê tỉnh công bố).

Điều 5. Phương thức phổ biến

1. Phổ biến thông tin thống kê dưới dạng ấn phẩm in trên giấy hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Thống kê tỉnh.

2. Phổ biến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đối với các loại thông tin thống kê gồm: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm.

3. Thông qua họp báo, tổ chức hội nghị.

Điều 6. Xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê

1. Sản phẩm thông tin thống kê là kết quả của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó thể hiện dưới dạng văn bản in trên giấy hoặc dạng thông tin điện tử.

2. Việc xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê phải đáp ứng các yêu cầu chủ yếu sau đây:

a) Số lượng, chủng loại sản phẩm thông tin về cơ bản đáp ứng, phù hợp với từng loại tin và đối tượng sử dụng thông tin, hợp thành Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê thống nhất, đồng bộ, thiết thực, khả thi và hiệu quả; hàng năm phải tiến hành rà soát, bổ sung hoàn thiện;

b) Thông tin trong mỗi sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng: Tính phù hợp, tính kịp thời, tính chính xác, khả năng giải thích, tính so sánh, tính thống nhất và các tiêu chuẩn chất lượng khác;

c) Định dạng sản phẩm, tên sản phẩm, hệ thống chỉ tiêu, thiết kế bảng biểu, ngôn ngữ biên soạn phải được chuẩn hóa.

3. Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh được xây dựng hằng năm, bao gồm: Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê của Thống kê tỉnh, của các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường.

4. Hoàn chỉnh hệ thống sản phẩm thông tin thống kê nhà nước

a) Các sản phẩm thông tin thống kê biên soạn và phổ biến định kỳ bao gồm một số sản phẩm chủ yếu: Các báo cáo thống kê ngắn hạn (tháng, quý, năm); niên giám thống kê; kết quả điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê Quốc gia và các cuộc điều tra định kỳ khác;

b) Các sản phẩm thông tin thống kê biên soạn và phổ biến không định kỳ bao gồm một số sản phẩm chủ yếu: Các báo cáo thống kê đột xuất; kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định để phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 7. Xây dựng và công bố công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê

1. Lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước quy định: Tên loại thông tin, thời gian phổ biến, mức độ hoàn thành (ước tính, sơ bộ, chính thức), hình thức phổ biến, đơn vị liên hệ việc phổ biến thông tin thống kê do cơ quan, tổ chức thống kê hoặc cơ quan, tổ chức phổ biến thông tin thống kê soạn thảo và công bố được dùng làm căn cứ để tiến hành hoạt động phổ biến thông tin thống kê và giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết trước để chủ động tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin.

2. Thống kê tỉnh thực hiện công bố công khai lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước theo quy định của Luật số 89/2015/QH13, Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định nội dung chỉ

tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh

1. Cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy chế này.
2. Công bố công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Quy chế này.
3. Theo dõi hướng dẫn các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường cung cấp thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.
4. Cung cấp thường xuyên thông tin thống kê cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng do Thống kê tỉnh quy định hằng năm và theo từng loại thông tin, sản phẩm thông tin thống kê phổ biến trong năm, bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau:
 - a) Cơ quan, lãnh đạo Đảng, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, đoàn thể và các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Thống kê tỉnh quy định;
 - b) Lãnh đạo chủ chốt các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND xã, phường

1. Cung cấp thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia gửi về cơ quan thống kê theo quy định để Thống kê tỉnh biên soạn, công bố, phổ biến.
2. Sở, ban, ngành: Có trách nhiệm phổ biến thông tin do đơn vị phổ biến quy định tại khoản 2, Điều 4 Quy chế này.
3. UBND xã, phường: Có trách nhiệm phổ biến thông tin do đơn vị phổ biến quy định tại khoản 3, Điều 4 Quy chế này.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh

1. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê

a) Tiếp cận, khai thác và sử dụng đối với thông tin thống kê Nhà nước do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến;

b) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh công khai danh mục sản phẩm và lịch phổ biến thông tin thống kê đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; minh bạch về nguồn thông tin, khái niệm, phạm vi thu thập, phương pháp tính toán, mức độ hoàn chỉnh của thông tin (ước tính, sơ bộ, chính thức), các điều chỉnh bổ sung và các vấn đề khác liên quan đến thông tin thống kê phổ biến;

c) Có quyền khiếu nại khi cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh không thực hiện trách nhiệm đối với những quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê

a) Phản ánh nhu cầu về thông tin thống kê với các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ phổ biến thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh; đồng thời chủ động đề xuất giải pháp và phối hợp tổ chức thực hiện;

b) Bảo vệ tính trung thực, khách quan và tính pháp lý của thông tin thống kê đã được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến. Khi trích dẫn và sử dụng phải ghi rõ nguồn gốc của thông tin. Không được sử dụng các thông tin thống kê do đơn vị phổ biến vào những việc gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

c) Cập nhật kiến thức thống kê và kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin thống kê để chủ động trong việc tiếp cận thông tin và nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin thống kê do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến.

3. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đột xuất cần được cung cấp một số thông tin thống kê trước thời hạn phổ biến theo quy định trong Lịch phổ biến thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phải cam kết thực hiện các quy định sau đây:

a) Đề xuất trước nhu cầu để cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có chức năng, nhiệm vụ phổ biến những thông tin thống kê này xem xét, bố trí kế hoạch đáp ứng;

b) Khi được cung cấp trước những thông tin thống kê đó chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, triển khai công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không được

phổ biến cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; không được sửa chữa, thay đổi thông tin được cung cấp;

c) Trong trường hợp công bố, phổ biến các tài liệu có sử dụng thông tin thống kê được cung cấp trước, nếu tiến hành trước Lịch phổ biến những thông tin thống kê đó thì phải trao đổi lại với cơ quan, đơn vị đã cung cấp để phối hợp rà soát và cập nhật thông tin thống kê mới; nếu tiến hành sau thì sử dụng thông tin thống kê được phổ biến theo Lịch phổ biến thay thế thông tin thống kê đã được cung cấp trước nhằm đảm bảo tính thống nhất và tính pháp lý của thông tin thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Giao Thống kê tỉnh là cơ quan thường trực, giúp UBND tỉnh thống nhất chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng văn bản hướng dẫn kế hoạch triển khai, đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác phổ biến thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề bất cập cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.